**Sở GD&ĐT Đồng Nai ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

 **Trường TH-THCS-THPT Bùi Thị Xuân Môn:** Ngữ văn **Khối 10**

**Ngày KT:**  **Thời gian:** 90 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ và tên HS:**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**Lớp:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  | **Điểm**  | **Chữ kí giám thị** |

**ĐỀ:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

**NỮ OA TẠO RA LOÀI NGƯỜI**

*Khi ấy, trời đất mới sinh, đã có cây cỏ, muôn thú mà chưa có loài người. Thế giới giống như một bức tranh buồn tẻ. Đi giữa thế giới hoang sơ, buồn tẻ ấy là vị đại thiên thần, chính là Nữ Oa. Lúc ấy, bà cảm thấy buồn chán, cô độc bèn nghĩ rằng cần phải tạo ra một cái gì đó cho thế giới này thêm vui tươi, giàu sức sống. Bà nghĩ ngợi hồi lâu, rồi đến bên đầm nước, lấy bùn đất màu vàng bên bờ đầm, trộn nhuyễn với nước, mô phỏng theo hình dáng của mình in bóng trên mặt nước mà nặn thành đồ vật xinh xắn, đáng yêu.*

*Lạ thay, vừa đặt xuống mặt đất, đồ vật xinh xắn ấy bỗng dưng có sức sống, cất tiếng nói trong trẻo, nhảy múa, vui đùa. Đồ vật xinh xắn ấy gọi là “Người”. “Người” được bàn tay nữ thần tạo ra, không giống các loài muông thú bởi được mô phỏng từ hình dáng của vị nữ thần. Nữ Oa vô cùng thích thú, hài lòng về sản phẩm do mình vừa tạo ra, bèn tiếp tục dùng đất bùn màu vàng hòa nhuyễn với nước nhào nặn ra rất nhiều người, trai có, gái có. Nhìn những con người vui đùa, cười nói xung quanh mình, Nữ Oa cảm thấy vui vẻ hẳn lên, không còn cô độc, buồn bã nữa.*

*Nhưng mặt đất hoang sơ vô cùng rộng lớn, bà làm việc không ngừng nghỉ trong một thời gian rất lâu mà mặt đất vẫn trống trải. Bà cứ miệt mài làm việc, làm tới lúc mỏi mệt lắm rồi mà mặt đất vẫn trống trải quá. Bà bèn nghỉ ra một cách, lấy một sợi dây, nhúng vào trong nước bùn, vung lên khắp phía. Người thì bảo bà dùng một sợi dây thừng, nhưng hồi đó làm gì có dây thừng, có lẽ bà đã dùng một sợi dây lấy từ một loài cây dây leo. Khi bà vung sợi dây dính đầy thứ bùn từ đất vàng đó lên, các giọt bùn đất màu vàng bắn đi khắp nơi, rơi xuống đất liền biến thành người, cười nói, chạy nhảy. Thế là mặt đất trở nên đông đúc
bao nhiêu là người.*

 (Trích *“Nữ Oa” (*Thần thoại Trung Quốc), Dương Tuấn Anh (sưu tầm, tuyển chọn) NXB Giáo dục Việt Nam, 2009).

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Xác định thể loại của văn bản trên:

 A. Cổ tích

 B. Truyền thuyết

 C. Thần thoại

D. Sử thi

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. Nghị luận

 B. Tự sự

 C. Miêu tả

D. Biểu cảm

**Câu 3:** Theo đoạn trích, nhân vật Nữ Oa xuất hiện trong bối cảnh (thời gian, không gian) như thế nào?

 A. Trời đất mới sinh, đã có loài người nhưng chưa có cỏ cây muông thú.

 B. Trời đất mới sinh, đã có cỏ cây muông thú, mà chưa có loài người.

 C. Trời đất mới sinh, chỉ có Nữ Oa cũng một số vị thần như thần Lửa, thần Nước.

 D. Trời đất mới sinh, có cỏ cây muông thú và các vị thần Lửa, thần Nước.

**Câu 4:** Nội dung chính của đoạn trích Nữ Oa tạo ra loài người ?

 A. Nữ Oa tạo ra loài người từ việc nặn bùn đất hòa với nước.

 B. Nữ Oa bênh vực loài người, Nữ Oa trừng phạt thần Lửa và thần Nước.

 C. Nữ Oa yêu thương con người.

 D. Nữ Oa luyện đá vá trời, giúp đỡ loài người.

**Câu 5:** Đoạn trích Nữ Oa thể hiện nội dung nào dưới đây?

 A. Biết ơn người có công tạo ra cộng đồng.

 B. Tôn vinh người anh hùng.

 C. Thương xót con người bé nhỏ.

 D. Đồng cảm với người bất hạnh.

**Câu 6:** Dòng nào dưới đây **không** đúng với truyện Nữ Oa?

 A. Mang yếu tố hoang đường kỳ ảo.

 B. Thường kể về các vị thần.

 C. Nhân vật có khả năng phi thường.

 D. Truyện được kể theo lời nhân vật.

**Câu 7:**  Nhân vật Nữ Oa hội tụ những vẻ đẹp gì?

 A. Vẻ đẹp sức mạnh và cảm xúc.

 B. Vẻ đẹp thể chất và ước mơ.

 C. Vẻ đẹp trí tuệ và tình cảm.

 D. Vẻ đẹp sức mạnh và trí tuệ.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8:** Về phương diện thể loại, đoạn trích “Nữ Oa tạo ra loài người” giống đoạn trích nào đã học ? Hãy chỉ những điểm giống nhau đó?

**Câu 9:** Em hiểu như thế nào về nhân vật Nữ Oa?

**Câu 10:** Anh chị rút ra được bài học gì sau khi đọc đoạn trích?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

**Đọc truyện ngắn sau:**

**Nghề của mẹ**

*Mẹ tôi làm nghề bán cá. Mùa nước nổi mẹ bán cá linh. Cá linh đưa lên bờ mau chết dễ sình, nên xuống bến mua cá xong mẹ phải chạy rao bán khắp xóm.*

*Có lần mẹ đội thau cá đứng trước cổng trường tiểu học nơi tôi học, ở ngoài rào mẹ ngoắt tôi đến cốt đưa cho gói xôi, cái bánh…*

*Mấy năm học xa, tôi không cho ai biết mẹ làm nghề bán cá.*

*Nay về, giữa mênh mông đồng nước quê mình, tự thấy như chưa bao giờ tròn chữ hiếu cùng mẹ.*

(Võ Thành An, nguồn *Kiến thức ngày nay* số 404 ngày 06/01/2015)

**Thực hiện yêu cầu:**

 Em hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của em về sự hy sinh của mẹ trong truyện ngắn trê

**1. Ma trận**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết**(Số câu) | **Thông hiểu**(Số câu) | **Vận dụng**(Số câu) | **Vận dụng cao**(Số câu) |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc**  | Thần thoại. | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 60 |
| Sử thi |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1 | 40 |
| 2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học. |
| **Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi** | ***20%*** | ***10%*** | ***15%*** | ***25%*** | ***0*** | ***20%*** | ***0*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức** | **30%** | **40%** | **20%** | **10%** |
| **Tổng % điểm** | **70%** | **30%** |

**2. Bản đặc tả minh họa**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **1. Đọc hiểu** | 1. Thần thoại. | **Nhận biết:** - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.- Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.- Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.**Thông hiểu:**- Tóm tắt được cốt truyện.- Hiểu vàphân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại.- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.**Vận dụng**:- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.**Vận dụng cao**:- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. | 4 câu TN | 3 câu TN01 câu TL | 1 câu Tl | 1 câu TL |
| 2. Sử thi. | **Nhận biết:** - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi.- Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.- Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi.**Thông hiểu:**- Tóm tắt được cốt truyện.- Hiểu vàphân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.**Vận dụng**:- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.**Vận dụng cao**:- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. |
| **3** | **Viết** | 1. Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | **Nhận biết:****-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.- Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.**Thông hiểu:**- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.- Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.**Vận dụng**:- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.**Vận dụng cao**:- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.  | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câu TL |
| 2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học. | **Nhận biết**:- Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.- Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.**Thông hiểu**:- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.- Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.**Vận dụng**:- Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.- Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).**Vận dụng cao**:- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. |

**3. Đáp án**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | C | 0,5 |
|  | 2 | B | 0,5 |
|  | 3 | A | 0,5 |
|  | 4 | A | 0,5 |
|  | 5 | A | 0,5 |
|  | 6 | D | 0,5 |
|  | 7 | D | 0,5 |
|  | 8 | * Đoạn trích Nữ Oa giống đoạn trích “Thần Trụ Trời” đã học hoặc “Prômêtê và loài người”.
* Điểm giống nhau: đều nói về các vị thần có sức mạnh phi thường tạo ra trời, đất, con người và muôn vật, chi tiết hoang đường, kì ảo.

 ***Hướng dẫn chấm:****- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm**- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm**- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm****\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.*  | 0,5 |
|  | 9 | Em hiểu về nhân vật Nữ Oa là:* Bà có công tạo ra loài người, yêu thương và bảo vệ con người chống lại thiên tai. Bà mang vẻ đẹp của sức mạnh và trí tuệ
* Bản thân em phài biết ơn và ra sức học tập để mang tài năng của bản thân xây dựng đất nước ngày càng vững mạnh.

***Hướng dẫn chấm:****- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm**- Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm**- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm**- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm****\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.* | 1,0 |
|  | 10 | Bài học em rút ra sau khi đọc văn bản:- Em nhận thức được các bị thần linh đã có công tạo ra vũ trụ, con người, giúp con người vượt qua mọi thiên tai bằng tất cả tình yêu thương và tâm trí của mình.- Chính vì vậy, Bản thân em luôn biết ơn, bảo vệ, giữ gìn thế giới ngày càng tốt đẹp để nó xứng đáng với công lao của các vị thần linh.***Hướng dẫn chấm:****-Học sinh trả lời tương đương với một ý đã gợi trong đáp án: 1,0 điểm**- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 - 0,75 điểm**- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm****\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  |  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  |  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* Sự hy sinh của người mẹ***Hướng dẫn chấm:****- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.**- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,25 |
|  |  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: |  |
|  |  | - Mẹ bươn chải, chịu nhiều vất vả bán từng con cá khắp xóm để kiếm từng đồng bạc nuôi chúng ta ăn học.- Mẹ yêu thương ta vô bờ bến, chăm lo cho ta từng bữa ăn, từng gói xôi sợ ta đói bụng.- Bản thân em phải biết yêu thương cha mẹ, hiếu thảo, phụ giúp cha mẹ những việc làm vừa sức. Ra sức học tập mang điểm cao về cho cha mẹ vui lòng.-. ***Hướng dẫn chấm:****- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm.**- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 0,75 điểm – 1,0 điểm.**- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.*  | **2,0** |
|  |  | - Đánh giá chung:+ Cốt truyện đơn giản, hình ảnh giàu chất gợi hình, gợi cảm+ Tình cảm chân thành, giọng điệu thiết tha, trữ tình***Hướng dẫn chấm:****- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.**- Trình bày được 1 ý; 0,25 điểm.* | 0,5 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
|  |  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| **I+II** |  |  | **10** |